

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án: 46/2022/HNGĐ-ST
Ngày 09 tháng 8 năm 2022
V/v: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH, TỈNH VĨNH PHÚC**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Hồng Minh

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Khương Thị Phương

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Nga - kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 25/2022/TLST- HNGĐ, ngày 16 tháng 3 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Chị Bùi Thị T, sinh năm 1994 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn N, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

-Bị đơn: Anh Nguyễn Đình V, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn P, xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 3 năm 2022 quá trình giải quyết và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Bùi Thị T trình bày:

Chị kết hôn với anh Nguyễn Đình V ngày 04/8/2015 cưới có được tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Cưới xong chị về làm ăn chung sống cùng gia đình anh V ngay. Quá trình vợ chồng chung sống đến cuối năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016, hiện con đang ở cùng chị. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh V cấp

dưỡng nuôi con chung cùng chị. Hiện chị làm nghề tự do thu nhập bình quân từ 8.000.000đ đến 10.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Đình V trong quá trình giải quyết vụ án đã được tòa án gửi thông báo và giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do và tại phiên tòa vắng mặt không lý do.

Quá trình điều tra Tòa án tiến hành lấy lời khai bà Nguyễn Thị N, bà trình bày: Bà là mẹ đẻ anh V, năm 2015 gia đình bà tổ chức cho anh V kết hôn với chị Bùi Thị T. Sau khi kết hôn chị T về ở với gia đình bà ngay. Quá trình chị T, anh V chung sống có vài lần xảy ra xô xát nhỏ, nguyên nhân cụ thể bà cũng không rõ. Đến tháng 8/2020 anh chị có xảy ra xô xát nên chị T bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ đó cho đến nay. Từ khi chị T bỏ về hai bên gia đình có dàn xếp nhưng không được. Về con chung vợ chồng có 01 con Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016, hiện con đang ở cùng chị T. Về tài sản, công nợ bà không nắm được. Về công sức chị T không đóng góp gì vào phát triển kinh tế của gia đình bà. Hiện anh V đang đi làm ở Hà Nội địa chỉ cụ thể bà không nắm được, anh V đi làm vẫn về gia đình (hàng tháng đều về). Việc chị T xin ly hôn những lần Tòa án triệu tập gia đình có nhận được văn bản của Tòa án và có thông báo cho anh V biết nhưng anh có nói do điều kiện công việc nên anh không về làm việc được, anh V cũng biết việc chị T xin ly hôn, biết việc Tòa án triệu tập, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T nhưng do điều kiện công việc ở xa nên anh không về làm việc được. Anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Nay chị T xin ly hôn anh V đó là việc của anh chị do anh chị tự quyết định, bà không có ý kiến gì.

Qua xác minh tại UBND xã L: Chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình V kết hôn ngày 04/8/2015. Cưới có được tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L. Tổ chức xong chị T về làm ăn chung sống cùng gia đình anh V tại thôn P, xã L. Quá trình anh chị chung sống có xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể địa phương không nắm được. Từ cuối năm 2020 chị T không ở cùng gia đình anh V nữa. Về con chung: vợ chồng có 01 con Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức địa phương nắm được. Hiện nay anh V đi làm nhưng vẫn thường xuyên có mặt ở nhà tại thôn P, xã L vì sao anh V không đến Tòa án làm việc địa phương không nắm được. Nay chị T xin ly hôn anh V đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đảm bảo quyền lợi cho các đương sự.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực

hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tổ tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Không yêu cầu, không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Anh Nguyễn Đình V bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ, nhưng đều vắng mặt không có lý do Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Bùi Thị T và anh Nguyễn Đình V là hôn nhân hợp pháp có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Vĩnh Phúc. Quá trình vợ chồng chung sống mâu thuẫn do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2020 cho đến nay. Nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn chị xin được ly hôn anh V. Đối với anh Nguyễn Đình V những lần Tòa án triệu tập gia đình có nhận được văn bản của tòa án và có thông báo cho anh biết, nhưng anh có nói do điều kiện công việc nên anh không về làm việc được, anh cũng biết việc chị T xin ly hôn, biết việc tòa án triệu tập, anh cũng đồng ý ly hôn với chị T nhưng do điều kiện công việc ở xa nên anh không về làm việc được. Anh V đề nghị tòa án giải quyết theo quy định pháp luật. Việc anh V biết mình được tòa án triệu tập để giải quyết việc chị T xin ly hôn anh nhưng cố tình vắng mặt không đến làm việc thể hiện anh V không có mong muốn để vợ chồng về đoàn tụ. Xét tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh V đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị T xin ly hôn anh V là có căn cứ phù hợp Điều 56 Luật hôn nhân gia đình nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng có một Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016, hiện đang ở cùng chị T. Ly hôn chị xin nuôi con và không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị. Xét việc nuôi con của chị T thấy rằng hiện cháu H vẫn

còn nhỏ, cần có sự chăm sóc, giáo dục, anh V thường xuyên vắng mặt. Để đảm bảo quyền lợi cho con chưa thành niên nên giao cho chị T trực tiếp nuôi cháu H. Việc chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung là tự nguyện phù hợp với các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát đề nghị có căn cứ, phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 và các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án.

1. Xử cho chị Bùi Thị T được ly hôn anh Nguyễn Đình V.

2. Về con chung: Giao cho chị Bùi Thị T trực tiếp nuôi cháu Nguyễn Đình H, sinh ngày 18/02/2016. Anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T. Anh V có quyền thăm con không ai được ngăn cản.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ và công sức: Chị T không đề nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ số tiền 300.000đ chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0006170 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Chị T nộp đủ án phí.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết tại Ủy ban nhân dân nơi cư trú của người vắng mặt.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
(đã ký tên và đóng dấu)

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THA huyện Lập Thạch;
- Đương sự;
- UBND xã Liên Hòa;
- Lưu.

Trần Thị Huệ